

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/DS-ST
Ngày 19/11/2019
V/v yêu cầu chấm dứt
hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử
dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hồng Việt

2. Ông Siu Hoàng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Đức Quang, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Q

Địa chỉ: 29 A, T, phường P, thành phố P, tỉnh G.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Thái Hồng N, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện uỷ quyền: Ông Ngô Đức N

Địa chỉ: 203 P, P, G.

- Bị đơn: Ông Rơ Mah Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Làng B, xã I, huyện C, tỉnh G.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Kpuih T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Làng B, xã I, huyện C, tỉnh G.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Thực hiện Quyết định số 646/QĐ-CT ngày 19/5/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc chấp thuận dự án trồng cây cao su tạo việc làm và hỗ trợ nhà cho đồng bào tại chỗ của Công ty Q, năm 2004 Công ty tiến hành công việc đền bù đất khai hoang, hoa màu trên đất và nhận bàn giao đất của các hộ đồng bào dân tộc trên địa bàn xã I, huyện C, tỉnh G. Trong đó gia đình ông Rơ Mah Đ đã nhận tiền đền bù công khai hoang số tiền 19.050.000đ và bàn giao 6.35ha tại thửa số 11, tiểu khu 867 cho Công ty. Sau khi nhận đất Công ty đã tiến hành trồng cây cao su đồng thời tuyển dụng con em các gia đình có đất đã bàn giao cho Công ty vào làm công nhân chăm sóc cây cao su. Ngày 02/10/2010 Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 350821 đối với diện tích 2.517.000m² đất tại tiểu khu 865 và 867 ở xã I để trồng cây cao su, trong đó có diện tích 6,35ha do gia đình ông Rơ Mah Đ đã bàn giao. Vào khoảng giữa năm 2014 khi Công ty đã trồng cây cao su được 10 năm thì ông Rơ Mah Đ tự ý trồng 180 cây cà phê xen vào các hàng cây cao su trên diện tích 14.759m² tại thửa số 11, tiểu khu 867, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai, đồng thời cản trở công nhân của Công ty thực hiện việc chăm sóc cây cao su. Công ty đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông Đ chấm dứt hành vi cản trở và dừng việc trồng cây cà phê nhưng ông Đ vẫn không thực hiện. Công ty đã phối hợp với các cơ quan chức năng tỉnh Gia Lai, các ban ngành của huyện C và xã I để giải quyết tranh chấp nhưng ông Đ vẫn không chấp nhận. Ngày 29/11/2017 Ủy ban nhân dân xã I phối hợp với Mặt trận tổ quốc xã và các ban ngành liên quan tiến hành phân tích, động viên hòa giải nhưng ông Đ vẫn không chấp hành.

Nay Công ty khởi kiện yêu cầu ông Đ phải chấm dứt ngay hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng 14.759m² đất tại thửa số 11, tiểu khu 867, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai của Công ty, đồng thời phải nhổ bỏ toàn bộ 180 cây cà phê đã trồng trên đất đó.

Ngoài ra do ông Đ cản trở không cho công nhân vào chăm sóc cây cao su nên đã gây thiệt hại cho Công ty số tiền 287.643.015đ, trong đó 205.459.297đ là chi phí đầu tư, lãi vay vốn phát sinh (từ năm 2014 đến năm 2019) là 82.183.718đ, nên Công ty đã khởi kiện yêu cầu ông Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty số tiền trên.

Tại phiên tòa đại diện của Công ty cho rằng, hành vi trồng 180 cây cà phê vào vườn cao su và cản trở công nhân Công ty vào chăm sóc cây cao su của ông Đ đã gây thiệt hại cho Công ty về kinh tế và tốn rất nhiều thời gian để yêu cầu các cơ quan chức năng giải quyết. Tuy nhiên xét thấy hoàn cảnh của bị đơn khó khăn nên Công ty rút phần yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại, không buộc ông Đ phải bồi thường cho Công ty số tiền 287.643.015đ như trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án. Các yêu cầu khởi kiện khác Công ty vẫn giữ nguyên.

Bị đơn ông Rơ Mah Đ trình bày: Năm 2004 gia đình ông bàn giao cho Công ty Q 6,35ha nhưng thực ra là 07 ha để Công ty trồng cây cao su và nhận tiền bồi thường công khai hoang 19.050.000đ, sau đó Công ty nhận vợ ông là Kpuih T làm công nhân chăm sóc cây cao su. Nguồn gốc diện tích đất trên là một phần của ông Rơ Lan T là bố vợ ông (đã chết) kê khai và năm 1998 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 14/5/2004 thì được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng số D 676204 với tổng diện tích là 135.760m² tại làng B. Số diện

tích 14.759m² đất tại thửa số 11, tiểu khu 867, xã I, huyện C, tỉnh G mà hiện tại Công ty đang trồng cây cao su là phần còn dư lại của gia đình ông sau khi bàn giao cho Công ty. Tuy nhiên thời điểm năm 2004 vì hoàn cảnh gia đình nên ông chưa có điều kiện sử dụng và khi đó vợ ông là bà Kpuih T đang làm công nhân cao su nên ông không có ý kiến gì đối với Công ty. Năm 2014 khi Công ty không cho vợ ông làm công nhân nữa nên ông có yêu cầu Công ty giải quyết giao trả lại cho ông một phần đất để ông canh tác. Tuy nhiên do Công ty không chịu giải quyết nên ông đã ngăn cản không cho công nhân của Công ty tiếp tục chăm sóc cây cao su, đồng thời ông có trồng 180 cây cà phê xen vào các hàng cây cao su mục đích là để gây áp lực yêu cầu Công ty giải quyết quyền lợi của ông. Nay yêu cầu của Công ty buộc ông chấm dứt việc cản trở và nhổ cây cà phê, ông không nhất trí, ông đề nghị phía Công ty giải quyết trả lại cho ông diện tích 6.600m² trong tổng số 14.759m² đất tại thửa số 11, tiểu khu 867, xã I, huyện C, tỉnh G.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kpuih T trình bày:* Bà nhất trí với lời trình bày của ông Rơ Mah Đ, bà không có ý kiến gì bổ sung.

Phát biểu quan điểm, đại diện Viện kiểm sát cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Các đương sự cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét áp dụng khoản 2 và khoản 9 Điều 26, các điều 143, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 244 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 163, 164, 169 Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 166, 203 của Luật đất đai; căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Q. Buộc ông Rơ Ma Đ và bà Kpuh T phải nhổ bỏ toàn bộ 180 cây cà phê và phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng diện tích 14.759m² tại thửa số 11, tiểu khu 867, xã I, huyện C, tỉnh G của Công ty Q.

Chấp nhận việc Công ty Q rút một phần yêu cầu khởi kiện và đình chỉ việc giải quyết về yêu cầu buộc ông Rơ Ma Đ phải bồi thường thiệt hại về chi phí đầu tư và tiền lãi phát sinh của Ngân hàng là 287.643.015đ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc các đương sự phải chịu án phí và xử lý tiền chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1]. Công ty Q khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Rơ Mah Đ phải nhổ bỏ 180 cây cà phê đồng thời chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng diện tích 14.759m² trong tổng số 2.517.000m² đất tại tiểu khu 865 và 867 xã I, huyện C, tỉnh G. Ngoài ra Công ty Q còn yêu cầu ông Rơ Mah Đ phải bồi thường thiệt hại về tài sản do hành vi trái pháp luật của ông Rơ Mah Đ. Do vậy đây là vụ án “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản*” theo quy định tại khoản 2, khoản 6 và khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Diện tích 14.759m² đất tại thửa số 11, tiểu khu 867, xã I, huyện C, tỉnh G hiện tại đang do Công ty Q sử dụng để trồng cây cao su là một phần trong tổng số 2.517.000m² đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai giao cho Công ty Q theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2010 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 350821 do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cấp cho Công ty Q ngày 02/10/2010 để trồng cây cao su và giải quyết việc làm cho đồng bào địa phương tại chỗ.

Tại biên bản bàn giao đất và nhận tiền bồi thường công khai hoang ngày 10/8/2004 thể hiện: ông Rơ Mah Đ đã bàn giao cho Công ty 6,35ha đất, nhận số tiền 19.050.000đ, đồng thời cam kết không khiếu nại tranh chấp đối với diện tích đất trên.

Tại biên bản xác minh ngày 25/10/2018, Ủy ban nhân dân xã I xác định: Ông Rơ Mah Đ đã giao cho Công ty Quang Đức 6,35ha đất và đã nhận đủ tiền đền bù khai hoang từ năm 2004. Ngoài việc giao diện tích đất trên thì ông Rơ Mah Đ không có diện tích đất nào khác thuộc khu vực đất đã bàn giao cho Công ty Q.

Công văn số 1640/UBND-NC ngày 26/11/2018, Ủy ban nhân dân huyện C khẳng định: Toàn bộ diện tích 137.866m² đất tại thửa số 52, tờ bản đồ số 21, địa chỉ xã I, huyện C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 676204 do UBND huyện C cấp ngày 14/5/2004 cho hộ ông Rah Lan T không nằm trong các diện tích đất do Công ty Q sử dụng.

Như vậy có cơ sở để khẳng định nguồn gốc diện tích 14.759m² vị trí tại thửa số 11, tiểu khu 867, xã I, huyện C, tỉnh G là một phần trong tổng số 6,35ha đất mà gia đình ông Rơ Ma Đ đã bàn giao cho Công ty Q để trồng cây cao su và nhận tiền đền bù công khai hoang từ năm 2004. Ngoài các diện tích đất đã bàn giao thì gia đình ông Rơ Mah Đ không có diện tích đất nào khác tại khu vực thửa số 11, tiểu khu 867, xã I, huyện C, tỉnh G. Ông Rơ Mah Đ cho rằng đã bàn giao cho Công ty 07 ha đất năm 2004 nhưng tại biên bản bàn giao chỉ thể hiện 6,35ha; diện tích đất đã bàn giao cũng không nằm trong phần diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 676204 do UBND huyện C cấp ngày 14/5/2004 cho hộ ông Rah Lan T. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn cũng thừa nhận không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh diện tích đất trên là thuộc quyền sử dụng của bị đơn. Mặt khác, Công ty đã nhận bàn giao và sử dụng đất để trồng cây cao su từ năm 2004 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận, nhưng đến năm 2014 bị đơn mới có ý kiến việc sử dụng đất của Công ty là không có cơ sở.

Do vậy việc ông Rơ Mah Đ và bà Kpuih T tự ý trồng 180 cây cà phê trên diện tích 14.759m² đã trồng cây cao su đồng thời có hành vi ngăn cản không cho công nhân của Công ty Q thực hiện việc chăm sóc cây cao su là hành vi cản trở trái pháp luật, xâm phạm đến quyền sử dụng đất và quyền sở hữu về tài sản của Công ty được pháp luật bảo vệ. Hành vi của ông Rơ Mah Đ đã vi phạm khoản 1 Điều 163 Bộ luật dân sự và

khoản 5 Điều 166 của Luật đất đai, nên Công ty khởi kiện buộc ông Rơ Mah Đ phải nhổ bỏ 180 cây cà phê và chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng 14.759m² đất tại thửa số 11, tiểu khu 867, xã I, huyện C, tỉnh G là có căn cứ pháp luật.

[3]. Yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty về bản chất là yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định tại các điều 170, 584 và 589 của Bộ luật dân sự. Việc bị đơn ông Rơ Ma Đ có hành vi xâm phạm đến quyền sử dụng đất và quyền sở hữu về tài sản của Công ty, nếu gây ra thiệt hại thì phải có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cho rằng xét điều kiện kinh tế và hoàn cảnh của bị đơn nên Công ty xin rút phần yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đây là trường hợp nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và việc rút yêu cầu này là tự nguyện, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận không xem xét và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty.

[4]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng hai lần là 12.000.000đ, số tiền trên đã chi đủ cho công việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và phần yêu cầu khởi kiện còn lại được chấp nhận nên Công ty phải chịu ½ chi phí tố tụng là 6.000.000đ. Ông Rơ Mah Đ và bà Kpuih T phải chịu ½ chi phí tố tụng là 6.000.000đ. Ông Rơ Mah Đ và bà Kpuih T phải hoàn trả cho Công ty 6.000.000đ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

[5]. Về án phí: Căn cứ quy định tại các điều 143, 144 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các đương sự trong vụ án này phải chịu án phí như sau:

Bị đơn ông Rơ Mah Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Kpuih T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ.

Nguyên đơn Công ty Q không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty số tiền tạm nộp án phí là 14.408.029đ theo biên lai thu số 0001986 ngày 04/01/2017 và 762.590đ theo biên lai thu số 0002158 ngày 25/6/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 và khoản 9 Điều 26, các điều 143, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 244 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 163, 164, 169 Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 166, 203 của Luật đất đai;
Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Q.

Buộc ông Rơ Mah Đ và bà Kpuih T phải nhổ bỏ toàn bộ 180 cây cà phê và phải chấm dứt ngay hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng 14.759m² đất tại thửa số 11, tiểu khu 867, xã I, huyện C, tỉnh G của Công ty Q.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Q về việc buộc ông Rơ Ma Đ phải bồi thường thiệt hại về chi phí đầu tư và tiền lãi phát sinh của Ngân hàng là 287.643.015đ.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Rơ Mah Đ và bà Kpuih T phải hoàn trả cho Công ty Q số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

4. Về án phí:

Ông Rơ Mah Đ và bà Kpuih T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho Công ty Q số tiền tạm nộp án phí là 14.408.029đ (mười bốn triệu bốn trăm lẻ tám nghìn không trăm hai mươi chín đồng) theo biên lai thu số 0001986 ngày 04/01/2017 và 762.590đ (bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm chín mươi đồng) theo biên lai thu số 0002158 ngày 25/6/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện C;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Chí Công